

Số: 92 /QĐ-XSKT

An Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm Soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 181/2026/NĐ-CP ngày 21/5/2026 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 798/STC-DNHTĐT ngày 31/01/2026 của Sở Tài chính tỉnh An Giang về việc tham mưu có ý kiến đối với dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 978/UBND-KT ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc ý kiến đối với dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 8062/VP-KT ngày 11/5/2026 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc quy định quyền, nghĩa vụ từng người đại diện theo pháp luật trong Điều lệ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 14683/VP-KT ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phân công quyền, nghĩa vụ hai người đại diện theo pháp luật trong Điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang;

Căn cứ cuộc họp cán bộ lãnh đạo chủ chốt Công ty ngày 03/8/2026;

Căn cứ cuộc họp Ban Chấp hành Đảng bộ mở rộng ngày 07/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp pháp chế Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang tại Tờ trình ngày 10 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung của các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty trái với Điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định này;
- UBND tỉnh An Giang (báo cáo);
- Ban Kiểm soát công ty;
- Các Phòng, CN, Xí nghiệp trực thuộc;
- Lưu: VP, THPC.



Trần Chí Hùng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 99../QĐ-XSKT ngày 10/8/2026
của Chủ tịch công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. “Công ty” là Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

2.2. “Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty” là UBND tỉnh An Giang.

2.3. “Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty” là cá nhân được Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Công ty.

2.4. “Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn (người đại diện phần vốn của doanh nghiệp)” là cá nhân được Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn.

2.5. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2.6. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ;

b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của Công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mướn cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;

d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm Soát viên;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của Công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, Công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty.

2.7. “*Người quản lý doanh nghiệp*”, bao gồm: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty.

2.8. “*Ban Kiểm soát*”, bao gồm: Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên chuyên trách và Kiểm Soát viên không chuyên trách.

2.9. “*Đơn vị phụ thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh nằm trong tổ chức bộ máy của Công ty.

2.10. “*Công ty con*” là doanh nghiệp mà Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đó; có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đó; có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.

2.11. “*Công ty liên kết*” là doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.

2.12. “*Cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty*” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

2.13. “*Cổ phần không chi phối, vốn góp không chi phối của Công ty*” tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.

2.14. “*Bộ luật Lao động*” là Bộ luật số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019.

2.15. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

2.16. “*Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*” là Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022.

2.17. “*Luật Đấu thầu*” là Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.

2.18. “*Luật số 68/2025/QH15*” là Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.19. “*Luật Phục hồi, phá sản*” là Luật số 142/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

2.20. “*Nghị định số 30/2007/NĐ-CP*” là Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số.

2.21. “*Nghị định số 78/2012/NĐ-CP*” là Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số.

2.22. “*Nghị định số 122/2017/NĐ-CP*” là Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.23. “*Nghị định số 145/2020/NĐ-CP*” là Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.24. “*Nghị định số 181/2026/NĐ-CP*” là Nghị định số 181/2026/NĐ-CP ngày 21/5/2026 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.25. “*Nghị định số 47/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

2.26. “*Nghị định số 59/2023/NĐ-CP*” là Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2.27. “*Nghị định số 168/2025/NĐ-CP*” là Nghị định số 168/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2.28. “*Nghị định số 214/2025/NĐ-CP*” là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2.29. “*Nghị định 248/2025/NĐ-CP*” là Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2.30. “*Nghị định số 365/2025/NĐ-CP*” là Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.31. “*Nghị định số 366/2025/NĐ-CP*” là Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.32. “*Nghị định số 57/2026/NĐ-CP*” là Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ, về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.33. “*Thông tư số 48/2019/TT-BTC*” là Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

2.34. “*Thông tư số 102/2026/TT-BTC*” là Thông tư số 102/2026/TT-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.35. “*Quyết định số 754/QĐ-UBND*” là Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp các từ hoặc từ ngữ được giải thích tại Điều lệ này khác với giải thích từ ngữ tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên công ty, trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm quay số

1. Tên giao dịch Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

Tên giao dịch Công ty viết tắt: Công ty Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

2. Biểu tượng (Logo) Công ty:



3. Trụ sở chính:

a) Địa chỉ: số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang;

b) Số điện thoại: 0297. 3920614 - 3946933;

c) Số fax: 0297. 3871000 - 3948818;

d) Website: xosokiengiang.vn Email: xosokiengiang.gov.vn

4. Mã số doanh nghiệp: 1700110137

5. Các Chi nhánh:

5.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn.

a) Tên chi nhánh viết tắt: Công ty Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn;

b) Địa chỉ: số 152 đường Lê Hồng Phong, phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh.

5.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh miền Đông.

a) Tên chi nhánh viết tắt: Công ty Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh miền Đông;

b) Địa chỉ: số 1 khu A, đường Trường Sơn, phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

5.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh miền Tây.

a) Tên chi nhánh viết tắt: Công ty Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh miền Tây;

b) Địa chỉ: số 16 Phạm Ngũ Lão, phường Cái Khế, TP Cần Thơ.

5.4. Xí nghiệp in Hồ Văn Tầu - CN Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

a) Tên chi nhánh viết tắt: Xí nghiệp in Hồ Văn Tầu - Chi nhánh Công ty Xổ số kiến thiết Kiên Giang;

b) Địa chỉ: số 1228, đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

5.5. Địa điểm quay số mở thưởng: số 94 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

6. Công ty được phép thay đổi địa điểm trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm quay số mở thưởng hoặc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh mới trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước An Giang và các ngân hàng thương mại, cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của công ty.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang được thành lập để kinh doanh xổ số, nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí từ nguồn tài chính nhàn rỗi, tiết kiệm của người dân; qua đó, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

b) Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại công ty bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư vào Công ty; phòng, chống dàn trải, lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước và công ty.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (<i>chỉ tiết: hoạt động xổ số</i>)	9200	X
2	In ấn	1811	
3	Dịch vụ liên quan đến in	1812	
4	Sao chép bản ghi các loại	1820	
5	Các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật quy định		

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22/4/2026.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Khi có quyết định thay đổi vốn điều lệ, Công ty phải điều chỉnh vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố thông tin theo quy định.

Điều 6. Chủ sở hữu

1. Nhà nước là Chủ sở hữu của Công ty.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty.

3. Việc phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Công ty theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

a) Chủ tịch công ty;

b) Tổng Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật cao nhất của Công ty; đại diện cho Công ty trong các mối quan hệ với Cơ quan đại diện chủ sở hữu, các cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ về quản lý, đầu tư và bảo toàn vốn nhà nước theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, ký kết hợp đồng, giao dịch dân sự trong phạm vi được phân cấp theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này và theo ủy quyền của Chủ tịch công ty.

4. Hai người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm phối hợp thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty một cách thống nhất, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty và đúng quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp một trong hai người đại diện theo pháp luật vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, người còn lại có quyền và nghĩa vụ tiếp tục thực hiện các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật để bảo đảm hoạt động liên tục của Công ty.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Các quyền, nghĩa vụ và phạm vi ủy quyền cụ thể của mỗi người đại diện theo pháp luật được quy định chi tiết tại Quy chế Làm việc của Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh,...) trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy, quy định của tổ chức đó.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.

7. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản và quản lý tài chính theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Công ty quản lý đối với doanh nghiệp do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn của Công ty. Công ty thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và các quy định sau đây:

8.1. Đối với doanh nghiệp do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Cho ý kiến về việc ban hành quy chế tài chính của doanh nghiệp;

b) Phê duyệt phương án hoạt động đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm phê duyệt;

c) Việc bảo lãnh, cho vay vốn thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 19 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước;

d) Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư thực hiện theo nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 21 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước;

8.2. Đối với phần vốn góp của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng, giảm, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Quy định tiêu chuẩn, cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật của người đại diện phần vốn của Công ty theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước và ban hành quy chế người đại diện phần vốn của Công ty;

c) Yêu cầu người đại diện phần vốn của Công ty có ý kiến về việc chia lợi nhuận, cổ tức của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

d) Yêu cầu người đại diện phần vốn của Công ty báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn của Công ty nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của người đại diện;

8.3. Việc cơ cấu lại vốn của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ; phải phù hợp với chiến lược phát triển, bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu nhà nước giao. Chủ tịch công ty phê duyệt và ban hành danh mục cơ cấu lại để làm cơ sở thực hiện.

9. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

10. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

11. Việc quản lý người quản lý doanh nghiệp; Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

12. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

13. Quản lý, sử dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

14. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước; trong đó, quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát được xác định theo quy định của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

15. Các quyền khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan:

a) Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào Công ty, Công ty phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Sở Tài chính để theo dõi, giám sát;

b) Ban hành điều lệ sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; ban hành quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định, quy chế tiền lương, tiền thưởng, quy chế quản lý sử dụng các quỹ và những quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP để áp dụng trong Công ty;

c) Xây dựng quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

d) Tuân thủ quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra, đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện; tổ chức giám sát nội bộ; báo cáo và công khai thông tin theo quy định tại Nghị định số 365/2025/NĐ-CP, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của Công ty, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

5. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của Công ty khi được yêu cầu.

8. Lập báo cáo đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo chỉ tiêu đánh giá, xếp loại doanh nghiệp do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao cho Công ty hàng năm được thực hiện theo quy định tại các Điều 28, Điều 29, Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về thành lập, sắp xếp lại; phá sản; về điều lệ, chiến lược, kế hoạch; về quản lý cán bộ của Công ty

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh của Công ty; yêu cầu Sở Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị đầu tư vốn và thực hiện cấp vốn cho Công ty.

2. Có ý kiến chấp thuận về nội dung Điều lệ công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty.

3. Quyết định các hình thức sắp xếp lại (hợp nhất, sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp, giải thể) theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP.

4. Thực hiện thủ tục nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty theo quy định pháp luật.

5. Giao nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cơ bản trong chiến lược phát triển cho giai đoạn tối thiểu 05 năm và giao chỉ tiêu kinh doanh định hướng hằng năm để làm căn cứ cho Công ty điều chỉnh chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

6. Giao chỉ tiêu và đánh giá, xếp loại doanh nghiệp hằng năm cho Công ty theo quy định của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP;

7. Đối với người quản lý doanh nghiệp:

a) Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty;

b) Có ý kiến trước khi Chủ tịch công ty quyết định đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ đối với Tổng Giám đốc;

c) Phê duyệt Đề án thuê Tổng Giám đốc;

d) Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty theo quy định của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

8. Đối với Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên:

a) Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;

b) Quyết định về đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên theo quy định tại Nghị định số 181/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 754/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

9. Hằng năm, cho ý kiến và thông báo đề Công ty chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên tại Công ty trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch công ty báo cáo. Tiếp nhận, rà soát báo cáo của Chủ tịch công ty về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty; trường hợp phát hiện nội dung không đúng quy định thì yêu cầu Chủ tịch công ty sửa đổi, điều chỉnh. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 13. Tổ chức thực hiện quyền và trách nhiệm Cơ quan đại diện chủ sở hữu về hoạt động tài chính và đầu tư; về giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động của Công ty

1. Quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty:

a) Từ nguồn ngân sách nhà nước sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

b) Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn ngân sách địa phương;

c) Các trường hợp đầu tư bổ sung vốn khác, trừ trường hợp quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

d) Trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

2. Có ý kiến đối với phương án phân phối lợi nhuận sau thuế theo đề xuất của Chủ tịch công ty.

3. Phê duyệt phương án chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư có giá trị lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định chuyển nhượng theo báo cáo của Chủ tịch công ty.

4. Tổ chức và xử lý kết quả giám sát, kiểm tra:

4.1. Tổ chức giám sát, kiểm tra các hoạt động sau đây:

a) Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty; hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty;

b) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát;

c) Việc chuyển nhượng, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty;

d) Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, Cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty.

4.2. Căn cứ kết quả giám sát, kiểm tra quy định tại điểm 5.1 của khoản này, Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện hoạt động sau đây:

a) Cảnh báo, xử lý kịp thời vấn đề phát hiện trong quá trình giám sát, kiểm tra;

b) Yêu cầu thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty;



c) Xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với người quản lý doanh nghiệp, Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên có hành vi vi phạm về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty;

d) Hằng năm tổng hợp, gửi Bộ Tài chính kết quả giám sát, kiểm tra về hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được giao quản lý.

4.3. Việc tổ chức và xử lý kết quả những nội dung giám sát, kiểm tra theo quy định tại điểm 5.1, điểm 5.2 của khoản này được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Chương IV **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

1. Công ty tổ chức và quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

2. Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty:

2.1. Người quản lý doanh nghiệp:

- a) Chủ tịch công ty;
- b) Tổng Giám đốc công ty;

2.2. Ban Kiểm soát.

2.3. Phó Tổng Giám đốc công ty.

2.4. Kế toán trưởng công ty.

2.5. Các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ:

- a) Phòng Tổ chức cán bộ;
- b) Phòng Kế toán;
- c) Phòng Kinh doanh;
- d) Phòng Trả thưởng;
- đ) Phòng Xổ số tự chọn;
- e) Văn phòng;
- g) Phòng Tổng hợp pháp chế.

2.4. Các Chi nhánh:

a) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn;

b) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Đông;

c) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Tây;

d) Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu - Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

Mục 1

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp người được bổ nhiệm đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Tiền lương, phụ cấp của Chủ tịch công ty được tính vào chi phí quản lý Công ty.

4. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch công ty bao gồm cả trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám đốc.

6. Quyết định của Chủ tịch công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định, trừ trường hợp phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

7. Chủ tịch công ty làm việc hằng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

8. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch công ty không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình vì một lý do bất khả kháng thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ định một người trong Ban Tổng Giám đốc tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch công ty

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp. Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên của Công ty.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

17
ÔNG
TNI
THA
SỐ K
IÊN
ICH

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

1. Ban hành điều lệ sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Ban hành quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả, quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định, quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

3. Tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm soát nội bộ của Công ty.

4. Ban hành, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cơ bản do Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao cho Công ty theo quy định tại Điều 18, Điều 19 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

5. Chủ tịch công ty quyết định đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có);

b) Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại sau khi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

c) Chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại tài sản cho mục đích tăng vốn nhà nước tại Công ty theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định đầu tư hoặc đề trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước vào Công ty; quyết định giảm vốn điều lệ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền và thực hiện nộp phần vốn góp hoàn trả về ngân sách nhà nước trong trường hợp hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

7. Quyết định phương án huy động vốn, phương án cho vay vốn đối với doanh nghiệp do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo thẩm quyền.

8. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty, chuyển nhượng dự án đầu tư, thuê mua, mua, bán tài sản cố định của Công ty có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định những nội dung này; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không tạo lợi ích nhóm; quyết định thành lập công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Chủ tịch công ty phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền nêu trên trong Quy chế tài chính của Công ty nhằm xác định giới hạn phạm vi thực hiện quyền và nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật của Công ty giữa Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc.

9. Đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ đối với Tổng Giám đốc sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

10. Quyết định theo thẩm quyền về quy hoạch, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu và quyền lợi khác đối với Tổng Giám đốc.

11. Quyết định ký hợp đồng thuê, chấm dứt hợp đồng thuê, mức lương, thưởng và các chế độ khác (nếu có) đối với Tổng Giám đốc.

12. Quyết định theo thẩm quyền về đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Xí nghiệp, Phó Giám đốc Xí nghiệp.

13. Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty.

14. Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Điều 25 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước và Điều 29 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, bảo đảm phù hợp với nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty; quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp sử dụng lợi nhuận còn lại để đầu tư dự án và bổ sung vốn điều lệ, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

15. Cho ý kiến để người đại diện phần vốn của Công ty biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn của Công ty theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

16. Thực hiện quản lý doanh nghiệp do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn góp của Công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước; quyết định việc cơ cấu lại vốn của Công ty đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

17. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

18. Cử người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước. Ban hành quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty, bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo lợi ích nhóm.

19. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

20. Hằng năm, quyết định mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc trước ngày 15 tháng 4, mức tiền thưởng năm trước trước ngày 30 tháng 6; xác định và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu (đồng thời gửi Bộ Nội vụ để theo dõi, giám sát chung) mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm trước của Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên cùng thời điểm quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty.

21. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc thì gửi báo cáo (kèm theo thông tin về các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch và thực hiện của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP) về cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Nội vụ để giám sát, kiểm tra.

22. Chủ tịch công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

23. Thực hiện quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ Điều lệ công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Chủ tịch công ty có trách nhiệm:

a) Hằng năm, quyết định mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước của Chủ tịch công ty trước ngày 15 tháng 4, mức tiền thưởng năm trước trước ngày 30 tháng 6; xác định và báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu (đồng thời gửi Sở Nội vụ để theo dõi, giám sát chung) mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm trước của Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên cùng thời điểm quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty;

b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Chủ tịch công ty thì gửi báo cáo (kèm theo thông tin về các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch và thực hiện của Công ty trong năm, gồm: vốn chủ sở hữu hoặc vốn góp của chủ sở hữu; doanh thu; lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp) về Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Sở Nội vụ để giám sát, kiểm tra.

6. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và các trách nhiệm sau:

a) Báo cáo kịp thời Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác;

b) Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu những nội dung theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này; chịu sự giám sát của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty và pháp luật có liên quan.

7. Chủ tịch công ty không được tiếp tục làm người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ hoặc trong trường hợp có dấu hiệu bất thường về tình hình hoạt động của Công ty có nguy cơ ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Công ty.

8. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

10. Chủ tịch công ty thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty

Việc đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

TỔNG GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH VÀ ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 20. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê theo phương án nhân sự hoặc đề án đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, chấp thuận.
2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm, trừ trường hợp thuê Tổng Giám đốc thì thời gian thuê Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty quyết định.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Chủ tịch công ty; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm Soát viên.
4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.
5. Không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình và các doanh nghiệp khác.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Quyền của Tổng Giám đốc:

- 1.1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty.

1013
'IÊN
HIẾT
!G
NH AN

1.2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty và của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1.3. Quyết định, điều hành các công việc hằng ngày của Công ty, trừ những công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty.

1.4. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty, chuyển nhượng dự án đầu tư, thuê mua, mua, bán tài sản cố định của Công ty có giá trị theo phân cấp của Chủ tịch công ty; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không tạo lợi ích nhóm.

1.5. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty.

1.6. Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

1.7. Kiến nghị với Chủ tịch công ty về việc phân bổ, sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

1.8. Tuyển dụng lao động. Ký kết hợp đồng lao động. Chấm dứt hợp đồng lao động.

1.9. Đề xuất với Chủ tịch công ty về phương án tổ chức lại Công ty.

1.10. Quản lý, sử dụng; đầu tư, mua sắm, chuyển nhượng, thanh lý tài sản ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

1.11. Phê duyệt và ký toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh hàng ngày của Công ty theo quy định tại Điều 19 của Luật Kế toán.

1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

1.13. Trường hợp Tổng Giám đốc được Chủ tịch công ty ký hợp đồng thuê thì quyền của Tổng Giám đốc sẽ được quy định cụ thể trong nội dung hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

2.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước.

2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây: Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

2.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng Giám đốc

Việc đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Tổng Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp theo quy chế làm việc của công ty. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 25. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người sau đây phải được Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát chấp thuận:

- a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu và người có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- b) Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát;
- c) Người có liên quan của người quy định tại điểm b khoản này.

2. Người nhân danh Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

3. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
- b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 26. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty quyết định việc đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Tổng Giám đốc, trên cơ sở thực hiện quy trình đúng theo quy định của Nghị định số 181/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Số lượng Phó Tổng Giám đốc không quá 04 người. Chủ tịch công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc theo quy mô hình và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 04 Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch công ty đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, chấp thuận.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu và có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là năm (05) năm. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được miễn nhiệm, thay thế theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Phó Tổng Giám đốc được kiêm nhiệm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty ở doanh nghiệp thành viên, nhưng không quá 03 doanh nghiệp.

5. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình và các doanh nghiệp khác.

6. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.

7. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Chủ tịch công ty chấp thuận.

Điều 27. Chi nhánh

Các Chi nhánh thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản lý, sử dụng lao động, tiền lương; quản lý tài chính, hạch toán kế toán theo quy chế phân cấp và ủy quyền của Tổng Giám đốc.

Mục 3 BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và thực hiện chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

3. Tham gia đoàn giám sát theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Kiến nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo thẩm quyền hoặc đề nghị giám sát, kiểm tra, thanh tra khi có dấu hiệu vi phạm. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện biện pháp, đề xuất, kiến nghị của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

Điều 29. Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phúc lợi và các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phúc lợi và các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Nghị định số 248/2025/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V
THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI CÔNG TY

Điều 30. Nội dung, hình thức Công ty (người sử dụng lao động) phải công khai

1. Công ty phải công khai với người lao động những nội dung sau:

- a) Tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- b) Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của Công ty liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động;
- c) Các thỏa ước lao động tập thể mà Công ty tham gia;
- d) Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có);
- đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;
- e) Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;
- g) Nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức công khai thì Công ty thực hiện công khai theo quy định đó, trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì Công ty căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động và nội dung phải công khai để lựa chọn hình thức sau đây và thể hiện trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc:

- a) Niêm yết công khai tại nơi làm việc;
- b) Thông báo tại các cuộc họp, các cuộc đối thoại giữa công ty và tổ chức Công đoàn;
- c) Thông báo bằng văn bản cho tổ chức Công đoàn để thông báo đến người lao động;
- d) Thông báo trên hệ thống thông tin nội bộ;
- đ) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.



Điều 31. Nội dung, hình thức người lao động được tham gia ý kiến

1. Người lao động được tham gia ý kiến về những nội dung sau:

- a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của Công ty liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;
- b) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể;
- c) Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ;
- d) Nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này mà pháp luật quy định cụ thể hình thức người lao động tham gia ý kiến thì thực hiện theo quy định đó; trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức thì người lao động căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, tổ chức lao động, nội dung người lao động được tham gia ý kiến và quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để lựa chọn hình thức sau đây:

- a) Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua tổ chức công đoàn, tại hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc;
- b) Gửi góp ý, kiến nghị trực tiếp;
- c) Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

Điều 32. Nội dung, hình thức người lao động được quyết định

1. Người lao động được quyết định những nội dung sau:

- a) Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;
- b) Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn;
- c) Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật;
- d) Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;
- đ) Nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

2. Hình thức quyết định của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Nội dung, hình thức người lao động được kiểm tra, giám sát

1. Người lao động được kiểm tra, giám sát những nội dung sau:

- a) Việc thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;
- b) Việc thực hiện Nội quy lao động, quy chế và các văn bản quy định khác của Công ty liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động;
- c) Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp;
- d) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty;
- đ) Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát của người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Hội nghị người lao động

1. Hội nghị người lao động do Công ty phối hợp với tổ chức Công đoàn tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

2. Nội dung Hội nghị người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Lao động năm 2019 và các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

3. Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao động thực hiện theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

Điều 35. Thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để thực hiện các nội dung quy định về đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

2. Khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, Công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức Công đoàn để hoàn thiện và ban hành. Đối với những góp ý của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở mà Công ty không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do.

3. Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải được phổ biến công khai tới người lao động.

Chương VI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 36. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể tăng, giảm trong quá trình hoạt động.

2. Khi có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ, Tổng Giám đốc lập hồ sơ trình Chủ tịch công ty xem xét và tùy thuộc vào nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ, Chủ tịch công ty sẽ tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 37. Quản lý tài chính của Công ty

1. Chủ tịch công ty ban hành Quy chế quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty có trách nhiệm tuân thủ những quy định của Quy chế quản lý tài chính đã ban hành.

3. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Công ty tổ chức ghi chép sổ sách và hạch toán kế toán theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán của Chính phủ và của Bộ Tài chính.

Điều 38. Giám sát nội bộ của Công ty

1. Chủ tịch công ty phải chỉ đạo xây dựng quy trình giám sát nội bộ theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.

1: 17
CÔNG
TNH
T THÀ
SỐ KI
KIẾN
TACH G

2. Nội dung giám sát nội bộ:

- a) Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty;
- b) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Ban Kiểm soát, người đại diện phần vốn của Công ty;
- c) Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- d) Những nội dung khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Chủ tịch công ty thực hiện kịp thời các biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản tại Công ty theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Điều 39. Trách nhiệm giải trình

Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty theo yêu cầu của các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, Cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có thẩm quyền khác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Chương VII
SẮP XẾP LẠI, TẠM NGỪNG KINH DOANH,
GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 40. Sắp xếp lại Công ty

Việc sắp xếp lại Công ty do Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định. Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục sắp xếp lại Công ty thực hiện theo quy định của Nghị định số 57/2026/NĐ-CP, quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 41. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Công ty tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 206 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh:

Sau khi Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh, Công ty có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty có trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp để ra quyết định tạm ngừng kinh doanh.

3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 206 Luật Doanh nghiệp.

Điều 42. Giải thể Công ty

Việc giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật số 68/2025/QH15, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 43. Phá sản Công ty

Việc phá sản doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản và pháp luật khác có liên quan.

**Chương VIII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN****Mục 1
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO****Điều 44. Báo cáo Chủ tịch công ty**

1. Tổng Giám đốc lập và trình cho Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty; cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

Điều 45. Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Các báo cáo gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước ngày 30 tháng 4 năm sau liền kề:

a) Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b). Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty kèm theo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

2. Các báo cáo định kỳ:

a) Nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty;

b) Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý;

c) Kết quả giám sát nội bộ.

3. Báo cáo các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty:

a) Hàng năm, báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu về biến động vốn chủ sở hữu của Công ty để theo dõi, giám sát;

b) Các vấn đề phát sinh khác tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

**Mục 2
CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 46. Công bố thông tin định kỳ**

Công ty phải công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 109 của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 47. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

10776
TY
NH VI
EN THI
GIANG
A - TIN

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động, giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của Công ty;

d) Thay đổi Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Kiểm Soát viên;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của tòa án đối với người quản lý công ty;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty con; chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các Công ty khác.

Chương IX **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY** **VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC**

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề xuất của Chủ tịch công ty.

Điều 49. Dấu và quản lý dấu của Công ty

1. Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung dấu gồm những thông tin: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp.

3. Công ty sử dụng 01 mẫu dấu trong quá trình hoạt động. Trường hợp thay đổi mẫu dấu, Công ty sẽ thông báo mẫu dấu mới cho cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi sử dụng.

4. Dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

5. Dấu Công ty do người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác quản lý. Dấu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc được mang ra ngoài trụ sở chính để phục vụ giao dịch và hoạt động của Công ty tùy theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 50. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 10 Chương, 52 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch công ty ký quyết định ban hành.
2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Điều lệ này thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản nào trái với quy định pháp luật mới ban hành hoặc không còn phù hợp thì điều khoản đó không được thi hành và Công ty thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Chủ tịch công ty có trách nhiệm đề xuất Cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến việc bổ sung, sửa đổi điều lệ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 52. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các nội dung quy định tại Điều lệ này.
2. Các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định áp dụng tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty. *Nguyễn*

